SAO Y; Úy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh; 10/08/2023; 15:29:50

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2534/KH-UBND	*Tây Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2023*

KẾ HOẠCH
Hành động nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Tây Ninh năm 2023

Thực hiện Công văn số 1284/BTTTT-CĐSQG ngày 12/4/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc nâng cao hiệu quả, tăng tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT), đảm bảo dễ sử dụng, thân thiện với người dùng. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. HIỆN TRẠNG

UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 ban hành quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tây Ninh làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện đúng quy trình giải quyết thủ tục hành chính để phục vụ cho người dân và doanh nghiệp.

Hiện nay, số lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số lượng dịch vụ công của Tỉnh là 731/1.777 thủ tục hành chính. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt 37.48% và tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến xử lý trực tuyến toàn trình đạt 34.22 %.

Nhìn chung, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ trực tuyến còn thấp. Mặc dù, việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến đem lại nhiều lợi ích cho người dân và xã hội như người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến sẽ giảm thời gian, chi phí đi lại cho việc gửi hồ sơ và nhận kết quả; tăng tính minh bạch của các cơ quan cung cấp dịch vụ công.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp DVCTT của tỉnh trên cả 2 phương diện: Tăng tỷ lệ cung cấp DVCTT và tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến thực tế phát sinh. Qua đó, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của tỉnh, xây dựng chính quyền số và xã hội số ngày càng toàn diện.

Việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cần đảm bảo nguyên tắc lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; tận dụng tối đa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (CSDL) của các Bộ, ngành trung ương và của tỉnh phục vụ giải quyết

thủ tục hành chính (TTHC) một cách hiệu quả, góp phần hiện đại hoá và đơn giản hoá TTHC.

Hỗ trợ cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh dễ dàng thực hiện nộp hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến từ xa *(nghĩa là người dân và doanh nghiệp không đến Trung tâm Phục vụ hành chính công và bộ phận một cửa các cấp mà thực hiện DVCTT từ xa).*

2. Yêu cầu

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tập trung chỉ đạo và đề ra các giải pháp triển khai quyết liệt để đạt mục tiêu sau:

- 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; 50% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến từ xa.

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến xử lý trực tuyến toàn trình đạt tối thiểu 60%.

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng DVC trực tuyến đạt 90%.

II. NỘI DUNG TRỌNG TÂM THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023

1. Rà soát 100% TTHC đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Đơn vị chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh.

Đơn vị phối hợp: Sở, ban, ngành tỉnh và các địa phương.

Thời gian: Năm 2023.

2. 100% cán bộ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, đoàn viên thanh niên chỉ thực hiện dịch vụ công trực tuyến và tuyên truyền người thân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, hạn chế nộp hồ sơ trực tiếp.

Đơn vị thực hiện: Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã.

Thời gian: Năm 2023.

3. 100% bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp trên địa bàn tỉnh có bộ phận hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích trực tuyến.

Đơn vị chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã.

Đơn vị phối hợp: Sở, ban, ngành tỉnh và các địa phương.

Thời gian: Năm 2023.

4. 100% tổ công nghệ số cộng đồng được tập huấn, hướng dẫn trực tiếp các kỹ năng sử dụng DVC trực tuyến và các tiện ích số của tỉnh.

Đơn vị chủ trì: UBND cấp huyện, cấp xã.

Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp VT-CNTT và các sở, ngành liên quan.

Thời gian: Năm 2023.

5. 100% học sinh PTTH trên địa bàn tỉnh được phổ biến, hướng dẫn trực tiếp các kỹ năng sử dụng DVCTT và các tiện ích số của tỉnh.

Đơn vị chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.

Đơn vị phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp VT-CNTT và các sở, ngành liên quan.

Thời gian: Năm 2023.

6. Tích hợp CSDL dân cư và dữ liệu Quốc gia khác vào các E-form trên dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

- Thời gian hoàn thành: Tháng 8/2023.

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Đơn vị phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh; Công an tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.

7. Tham mưu giải pháp đảm bảo 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền của tỉnh.

Đơn vị chủ trì: Công an Tỉnh.

Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông.

Thời gian hoàn thành: Tháng 9/2023.

8. Đẩy mạnh công tác tuyên tuyền, hướng dẫn người dân sử dụng DVCTT trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Đơn vị thực hiện: Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Trung tâm Văn hoá thể thao và Truyền thanh cấp huyện, Đài truyền thanh cấp xã.

Thời gian hoàn thành: Thường xuyên trong năm 2023.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng UBND tỉnh

Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương tự đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, dịch vụ công trực tuyến đảm bảo theo quy định của Trung ương và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công trực tuyến theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

Hàng tháng, Văn phòng UBND tỉnh căn cứ số liệu từ Cổng Dịch vụ công quốc gia để công bố công khai các nội dung của Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Đây là các số liệu chính thức để đánh giá các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Tổng hợp số liệu cuối năm cơ quan, đơn vị đạt các chỉ tiêu theo Kế hoạch này được cộng năm điểm (+5 điểm) vào kết quả bảng điểm kết quả xếp loại cải cách hành chính cơ quan, đơn vị năm 2023.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Chịu trách nhiệm quản lý chung về mặt kỹ thuật, an toàn, an ninh thông tin và các hệ thống được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Tây Ninh.

Thường xuyên rà soát, kiểm tra, kịp thời phát hiện và khắc phục những sự cố do nguyên nhân kỹ thuật của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Tây Ninh, duy trì hệ thống vận hành thông suốt, liên tục 24 giờ tất cả các ngày trong tuần; đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin theo quy định; thực hiện chế độ lưu trữ dự phòng dữ liệu; đảm bảo việc tích hợp, liên thông, đồng bộ theo yêu cầu.

3. Các sở, ban, ngành

Chủ động thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch này. Chịu trách nhiệm về rà soát, đảm bảo tỷ lệ cung cấp DVCTT ở cả 3 cấp (cấp tỉnh, huyện, xã) với lĩnh vực thuộc Sở, ban, ngành quản lý.

4. UBND các huyện/thị xã/thành phố

Chủ động thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch này; phối hợp, chủ động đề xuất với các Sở, ban, ngành các nội dung liên quan đến tái cấu trúc quy trình TTHC; rà soát các TTHC và các điều kiện bảo đảm để cung cấp trực tuyến.

Thường xuyên đôn đốc, theo dõi việc triển khai sử dụng DVCTT trên địa bàn. Xem xét, nghiên cứu việc giao chỉ tiêu cụ thể đối với các phòng, ban chuyên môn, các xã/phường/thị trấn trên địa bàn (nếu cần thiết). Thực hiện các hoạt động hỗ trợ, hướng dẫn, tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp tăng cường sử dụng các DVCTT.

5. UBND các xã/phường/thị trấn

Giao nhiệm vụ cho thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn, hỗ trợ người dân biết sử dụng DVCTT đảm bảo mỗi hộ gia đình có ít nhất 01 người biết sử dụng tài khoản VneID để đăng nhập và sử dụng DVCTT trên Cổng dịch vụ công.

Trên đây là Kế hoạch hành động nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Tây Ninh năm 2023. Đề nghị các sở, ban, ngành, địa phương các cấp nghiêm túc triển khai các nhiệm vụ đã giao trong Kế hoạch./.

Nơi nhận:
- Bộ TTTT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- KSTT;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND cấp huyện, xã;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

5

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Đức Trọng

PHỤ LỤC 1
THỐNG KÊ TỶ LỆ DVCTT TOÀN TRÌNH PHÁT SINH HỒ SƠ

STT	Đơn vị	Số lượng TTHC cấp tỉnh			Tỷ lệ DVC TT phát sinh hồ sơ (06 tháng đầu năm 2023)	Chỉ tiêu phấn đấu cuối năm 2023
		Tổng	DVCTT Toàn trình	DVCTT Một phần		
	Tổng	**1400**	**585**	**815**		
1	Sở Công Thương	123	17	106	30%	50%
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	83	0	83	50%	70%
3	Sở Giao thông Vận tải	105	35	70	16%	40%
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	61	61	0	0%	30%
5	Sở Khoa học và Công nghệ	46	28	18	100%	100%
6	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	124	121	3	50%	70%
7	Sở Ngoại vụ	4	0	4	0%	
8	Sở Nội vụ	89	6	83	33%	50%
9	Sở Nông nghiệp và PTNT	85	9	76	50%	70%
10	Sở Tài chính	33	33	0	71%	90%
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	75	19	56	8%	30%
12	Sở Thông tin và Truyền thông	39	39	0	100%	100%
13	Sở Tư pháp	122	82	40	5%	30%
14	Sở Văn hóa - Thể thao - Du lịch	120	56	64	36%	50%
15	Sở Xây dựng	54	42	12	0%	30%
16	Sở Y tế	184	0	184	20%	40%
17	BQL Khu Kinh tế tỉnh	44	37	7	20%	40%
18	Thanh tra	9	0	9	0%	
	Tỷ lệ bình quân				**18%**	**60%**

PHỤ LỤC 2
THỐNG KÊ TỶ LỆ DVCTT TOÀN TRÌNH PHÁT SINH HỒ SƠ

STT	Đơn vị	Số lượng TTHC cấp huyện			Tỷ lệ DVC TT phát sinh hồ sơ (06 tháng đầu năm 2023)	Chỉ tiêu phấn đấu cuối năm 2023
		Tổng	DVCTT Toàn trình	DVCTT Một phần		
1	Thành Phố Tây Ninh	247	86	161	88%	97%
2	Huyện Bến Cầu	247	86	161	85%	94%
3	Huyện Châu Thành	247	86	161	69%	76%
4	Huyện Dương Minh Châu	247	86	161	75%	83%
5	Huyện Gò Dầu	247	86	161	56%	61%
6	Thị xã Hòa Thành	247	86	161	94%	100%
7	Huyện Tân Biên	247	86	161	72%	80%
8	Huyện Tân Châu	247	86	161	68%	75%
9	Thị xã Trảng Bàng	247	86	161	86%	94%
	Tỷ lệ bình quân				**77%**	**85%**

PHỤ LỤC 3
THỐNG KÊ TỶ LỆ DVCTT TOÀN TRÌNH PHÁT SINH HỒ SƠ

STT	Đơn vị	Số lượng TTHC cấp xã			Tỷ lệ DVC TT phát sinh hồ sơ (06 tháng đầu năm 2023)	Đề xuất chỉ tiêu phấn đấu cuối năm 2023
		Tổng	DVCTT Toàn trình	DVCTT Một phần		
1	Phường 1	130	60	70	100%	100%
2	Phường 2	130	60	70	92%	100%
3	Phường 3	130	60	70	100%	100%
4	Phường 4	130	60	70	91%	100%
5	Phường Hiệp Ninh	130	60	70	94%	100%
6	Phường Ninh Sơn	130	60	70	100%	100%
7	Phường Ninh Thạnh	130	60	70	83%	92%
8	Xã Thạnh Tân	130	60	70	100%	100%
9	Xã Bình Minh	130	60	70	100%	100%
10	Xã Tân Bình	130	60	70	100%	100%
11	Xã Tiên Thuận	130	60	70	100%	100%
12	Thị trấn Bến Cầu	130	60	70	100%	100%
13	Xã Long Giang	130	60	70	100%	100%
14	Xã Long Khánh	130	60	70	100%	100%
15	Xã An Thạnh	130	60	70	100%	100%
16	Xã Lợi Thuận	130	60	70	100%	100%
17	Xã Long Chữ	130	60	70	73%	81%
18	Xã Long Phước	130	60	70	100%	100%
19	Xã Long Thuận	130	60	70	94%	100%
20	Thị trấn Châu Thành	130	60	70	100%	100%
21	Xã An Bình	130	60	70	80%	88%
22	Xã An Cơ	130	60	70	100%	100%
23	Xã Long Vĩnh	130	60	70	85%	93%
24	Xã Thanh Điền	130	60	70	100%	100%
25	Xã Ninh Điền	130	60	70	100%	100%
26	Xã Thành Long	130	60	70	100%	100%
27	Xã Thái Bình	130	60	70	100%	100%
28	Xã Trí Bình	130	60	70	75%	83%
29	Xã Hòa Hội	130	60	70	100%	100%
30	Xã Hòa Thạnh	130	60	70	100%	100%
31	Xã Biên Giới	130	60	70	100%	100%
32	Xã Đồng Khởi	130	60	70	100%	100%
33	Xã Hảo Đước	130	60	70	100%	100%
34	Xã Phước Vinh	130	60	70	79%	86%
35	Thị trấn Dương Minh Châu	130	60	70	100%	100%

36	Xã Suối Đá	130	60	70	82%	90%
37	Xã Phước Ninh	130	60	70	86%	94%
38	Xã Phước Minh	130	60	70	100%	100%
39	Xã Bến Củi	130	60	70	100%	100%
40	Xã Lộc Ninh	130	60	70	100%	100%
41	Xã Truông Mít	130	60	70	89%	98%
42	Xã Cầu Khởi	130	60	70	100%	100%
43	Xã Chà Là	130	60	70	71%	78%
44	Xã Bàu Năng	130	60	70	100%	100%
45	Xã Phan	130	60	70	91%	100%
46	Thị trấn Gò Dầu	130	60	70	100%	100%
47	Xã Phước Trạch	130	60	70	100%	100%
48	Xã Thanh Phước	130	60	70	50%	55%
49	Xã Phước Thạnh	130	60	70	69%	76%
50	Xã Phước Đông	130	60	70	100%	100%
51	Xã Bàu Đồn	130	60	70	95%	100%
52	Xã Hiệp Thạnh	130	60	70	100%	100%
53	Xã Thạnh Đức	130	60	70	96%	100%
54	Xã Cẩm Giang	130	60	70	100%	100%
55	Phường Long Hoa	130	60	70	94%	100%
56	Phường Hiệp Tân	130	60	70	90%	99%
57	Phường Long Thành Trung	130	60	70	94%	100%
58	Xã Long Thành Nam	130	60	70	100%	100%
59	Xã Trường Tây	130	60	70	100%	100%
60	Xã Trường Đông	130	60	70	100%	100%
61	Phường Long Thành Bắc	130	60	70	92%	100%
62	Xã Trường Hòa	130	60	70	100%	100%
63	Thị trấn Tân Biên	130	60	70	100%	100%
64	Xã Tân Bình	130	60	70	100%	100%
65	Xã Tân Lập	130	60	70	83%	92%
66	Xã Thạnh Tây	130	60	70	92%	100%
67	Xã Hòa Hiệp	130	60	70	77%	85%
68	Xã Mỏ Công	130	60	70	85%	93%
69	Xã Tân Phong	130	60	70	67%	73%
70	Xã Trà Vong	130	60	70	86%	94%
71	Xã Thạnh Bình	130	60	70	89%	98%
72	Xã Thạnh Bắc	130	60	70	70%	77%
73	Thị trấn Tân Châu	130	60	70	100%	100%
74	Xã Thạnh Đông	130	60	70	94%	100%
75	Xã Tân Phú	130	60	70	100%	100%
76	Xã Tân Thành	130	60	70	93%	100%
77	Xã Suối Dây	130	60	70	90%	99%

78	Xã Tân Hưng	130	60	70	100%	100%
79	Xã Suối Ngô	130	60	70	100%	100%
80	Xã Tân Hòa	130	60	70	71%	79%
81	Xã Tân Hiệp	130	60	70	100%	100%
82	Xã Tân Hội	130	60	70	80%	88%
83	Xã Tân Đông	130	60	70	97%	100%
84	Xã Tân Hà	130	60	70	88%	96%
85	Xã Đôn Thuận	130	60	70	100%	100%
86	Phường Trảng Bàng	130	60	70	100%	100%
87	Phường Gia Lộc	130	60	70	89%	98%
88	Phường Gia Bình	130	60	70	91%	100%
89	Phường An Hòa	130	60	70	100%	100%
90	Xã Phước Chỉ	130	60	70	100%	100%
91	Phường An Tịnh	130	60	70	100%	100%
92	Phường Lộc Hưng	130	60	70	100%	100%
93	Xã Hưng Thuận	130	60	70	100%	100%
94	Xã Phước Bình	130	60	70	100%	100%
	Tỷ lệ bình quân				**94%**	**100%**